

THỐNG KÊ BẮC NINH

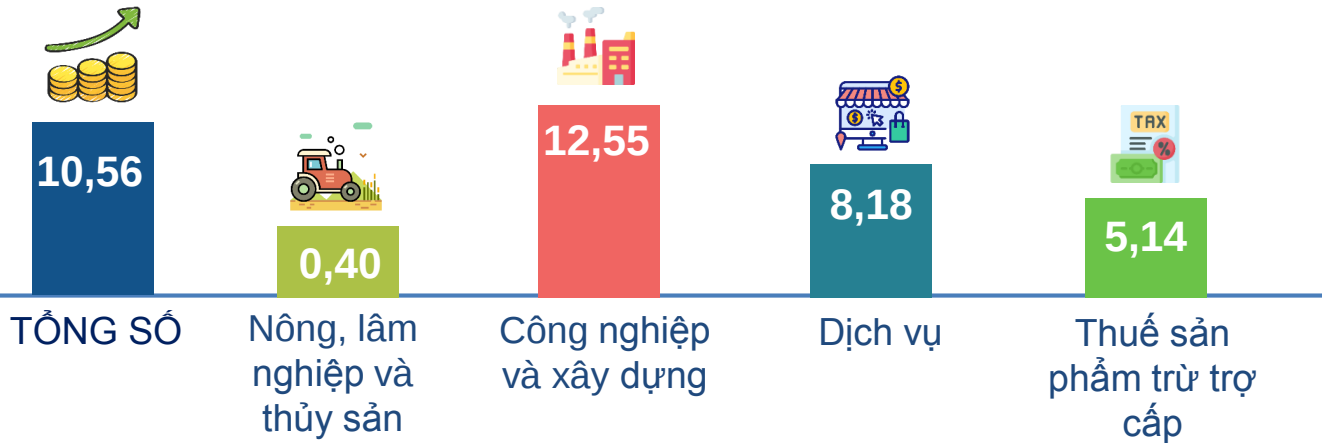


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG 2026

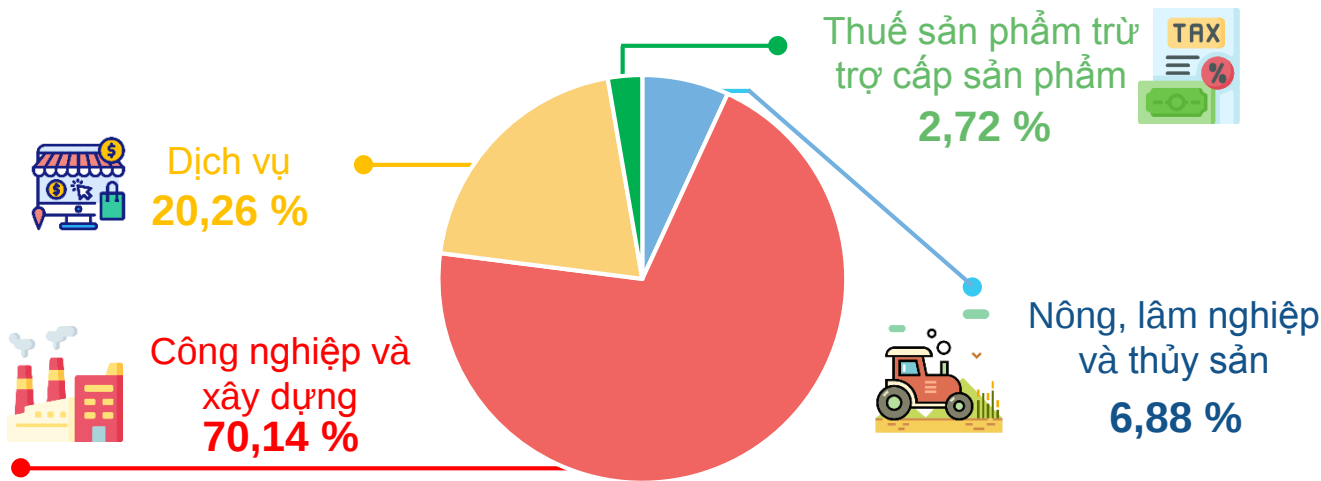




TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG
 THEO GIÁ SO SÁNH 2020 (%)



CƠ CẤU GRDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026 THEO GIÁ HIỆN HÀNH





NÔNG NGHIỆP

So với cùng kỳ năm trước - %

Sản xuất vụ đông xuân



Diện tích trồng lúa

71,8 nghìn ha, - **3,5** %



Diện tích ngô

8,5 nghìn ha, + **1,4** %



Diện tích rau

20,8 nghìn ha, - **5,1** %

Chăn nuôi thời điểm 30/6



Đàn bò

95,2 nghìn con, - **4,9** %



Đàn lợn

1183,2 nghìn con, + **3,1** %

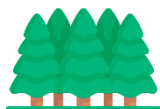


Đàn gà

23920 nghìn con, + **3,6** %



LÂM NGHIỆP



Diện tích rừng trồng tập trung 6 tháng

7,6 nghìn ha, + **1,6** %



Sản lượng gỗ khai thác 6 tháng

610,3 nghìn m³, + **1,8** %



THỦY SẢN

Sản lượng cá 6 tháng

53,4 nghìn tấn, + **1,4** %



Sản lượng thủy sản khác

68 tấn, - **0,4** %



TỔNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN 6 THÁNG

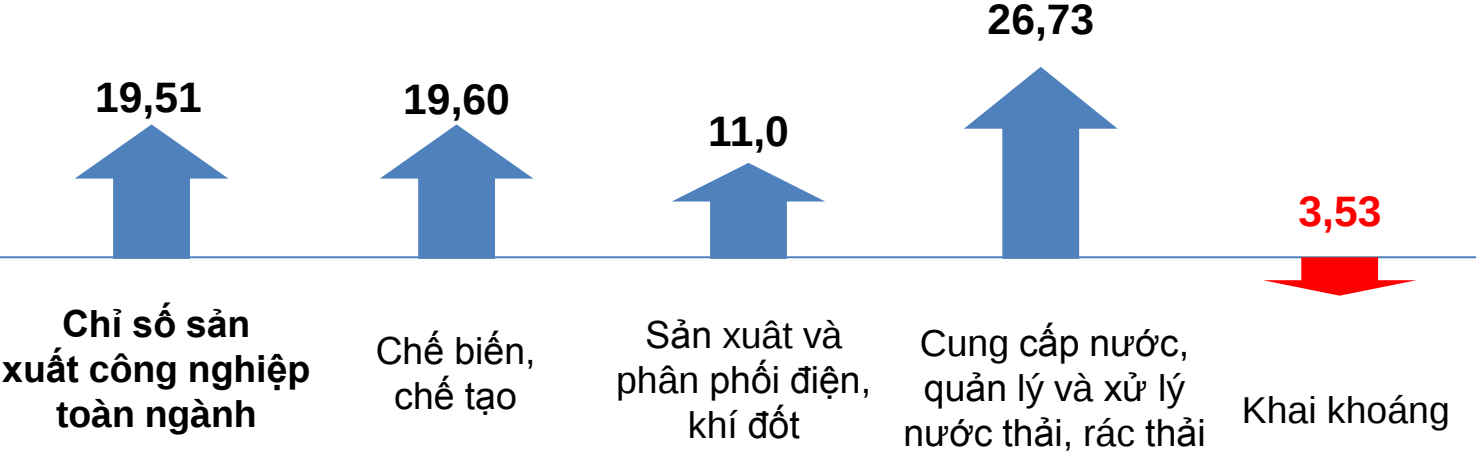
53,6 Nghìn tấn + **1,4** %





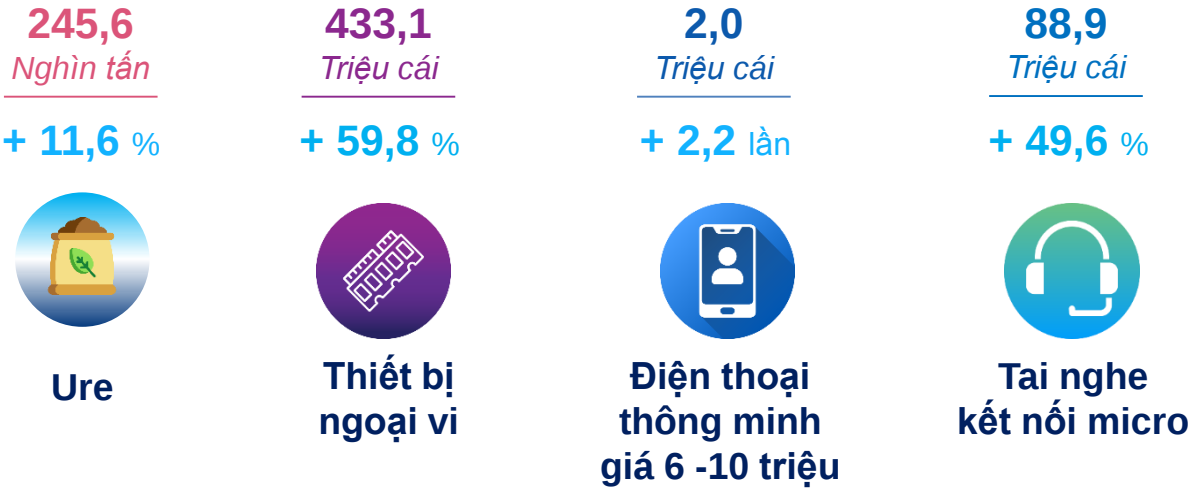
CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025-%)



CÔNG NGHIỆP

Sản phẩm công nghiệp 6 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025-%)





VỐN ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư từ nguồn NSNN 6 tháng (So với cùng kỳ -%)

Vốn cấp tỉnh 6 tháng
3820,3 Nghìn tỷ đồng, - **10,9** %



Vốn cấp xã 6 tháng
1487,4 Tỷ đồng, - **20,8** %



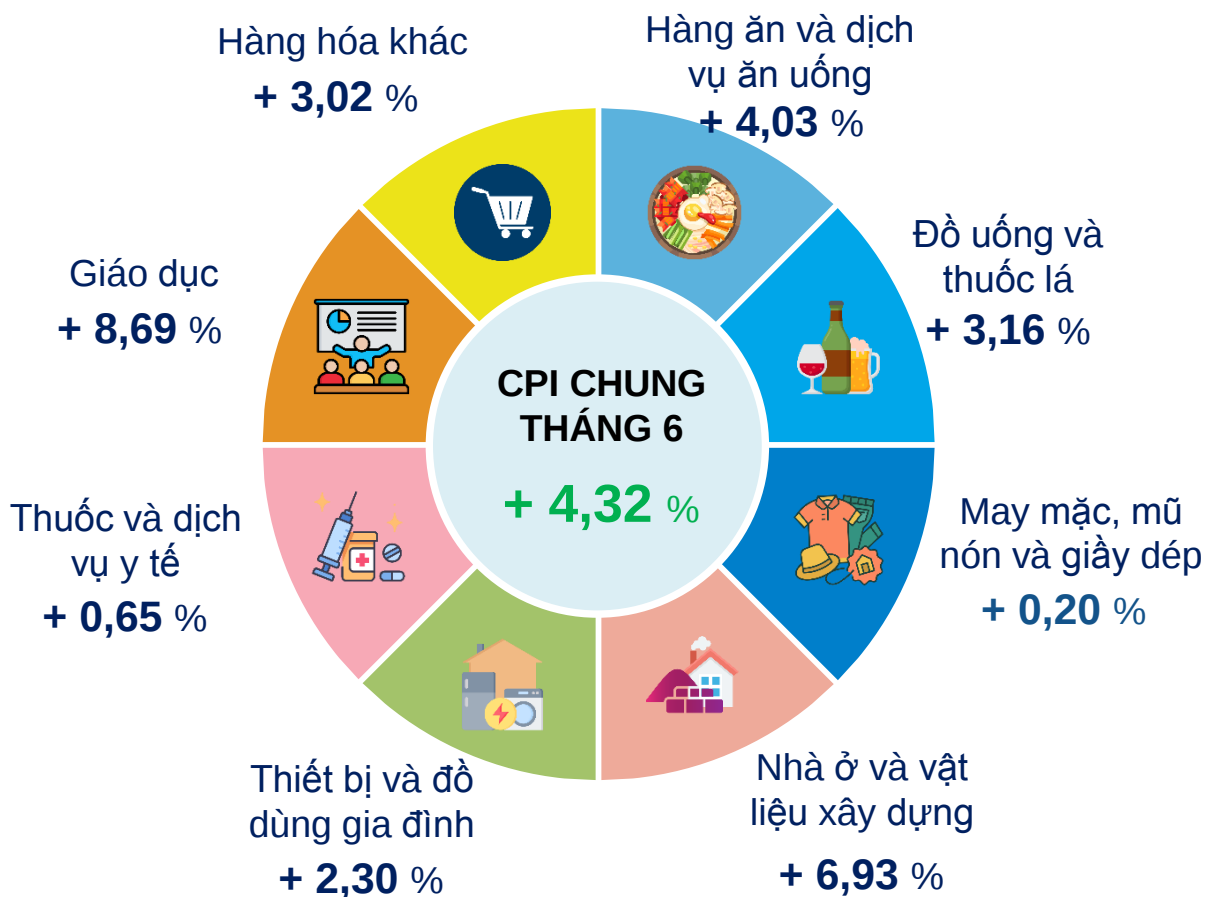
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ 6 THÁNG NĂM 2026

5307,7 Nghìn tỷ đồng - **13,9** %



CHỈ SỐ GIÁ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 năm 2026 (So với cùng kỳ -%)





THƯƠNG MẠI

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng



Tổng mức bán lẻ hàng hóa
58,9 Nghìn tỷ đồng



Dịch vụ lưu trú và ăn uống
11,6 Nghìn tỷ đồng

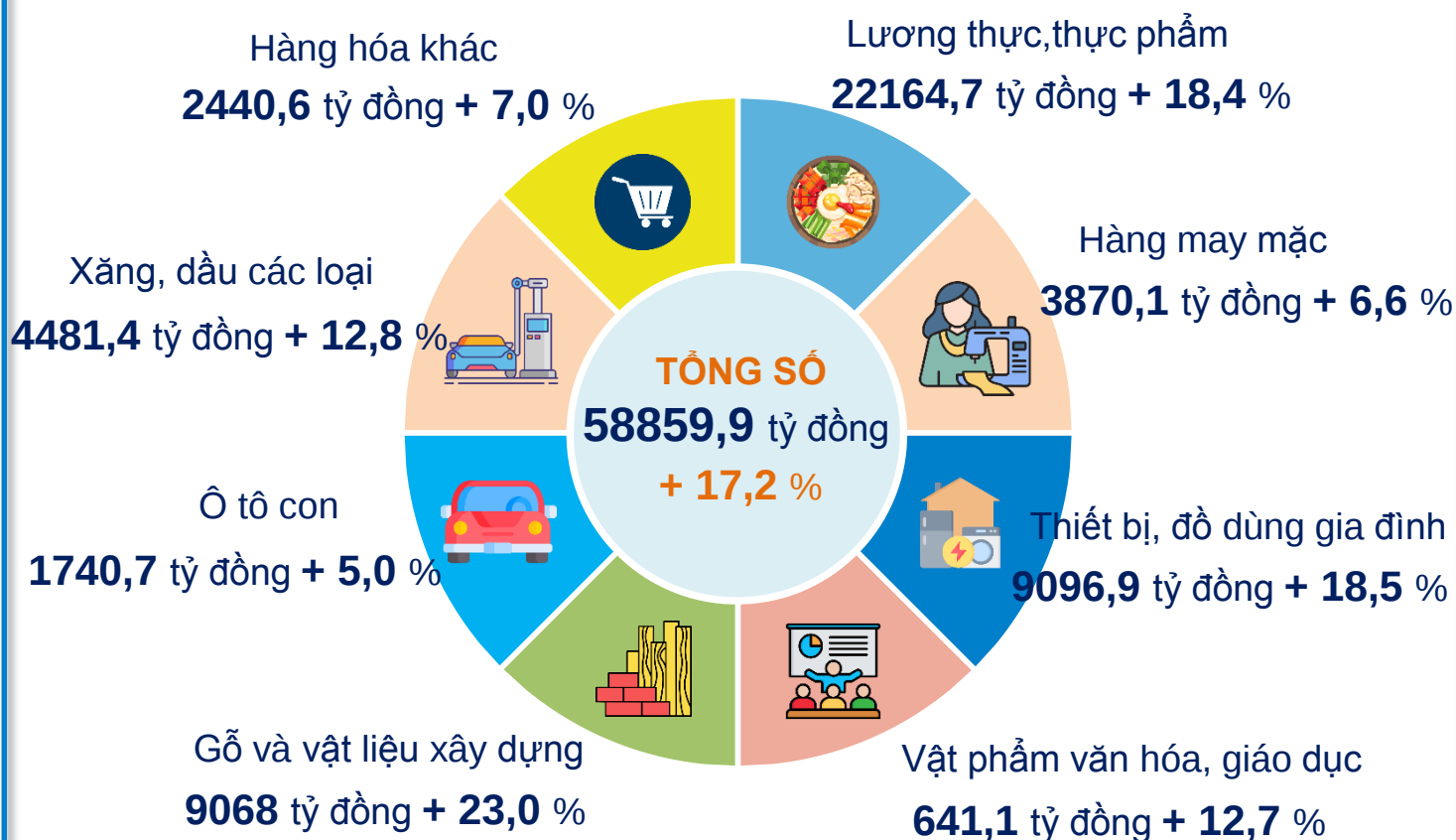


Dịch vụ khác
28,5 Nghìn tỷ đồng



THƯƠNG MẠI

Tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ -%)





VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ 6 tháng năm 2026

17,7 Nghìn tỷ đồng



B

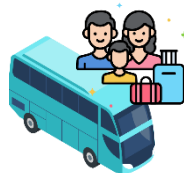


C



Vận tải hành khách

2,9 Nghìn tỷ đồng



Vận tải hàng hóa

9,7 Nghìn tỷ đồng



Dịch vụ hỗ trợ vận tải

4,9 Nghìn tỷ đồng



VẬN CHUYỂN 6 THÁNG

Vận chuyển hành khách

So với cùng kỳ - %



50031 nghìn HK

+ 17,2 %

Vận chuyển hàng hóa

So với cùng kỳ - %



93681 nghìn tấn

+ 17,7 %